

Đại từ bất định trong tiếng Anh

A. Đại từ bất định trong tiếng Anh

Đại từ bất định (indefinite pronouns) gồm có nhiều nhóm:

- Nhóm kết hợp với **some** để tạo thành **something, someone, somebody**.
- Nhóm kết hợp với **any** để tạo thành **anything, anyone, anybody**.
- Nhóm kết hợp với **every** để tạo thành **everything, everyone, everybody**.
- Nhóm kết hợp với **no** để tạo thành **nothing, no one, nobody**.
- Nhóm độc lập gồm các từ **all, one, none, other, another, much, less, (a) few, (a) little, enough, each, either, neither**.

Cũng như tính từ nghi vấn, một số trong các đại từ trên đây cũng có thể được dùng như tính từ. Khi ấy người ta gọi chúng là tính từ bất định (indefinite adjectives). Đó là các từ **any, some, every, no, all, one, none, other, another, much, less, (a) few, (a) little, enough, each, either, neither**.

B. Đại từ bất định either & neither trong tiếng Anh

- Đại từ bất định **either** có nghĩa là "*cái này hay cái kia trong hai cái*".
- Đại từ bất định **neither** là phủ định của **either** vì thế nó có nghĩa "*không cái này mà cũng không cái kia trong hai cái*".

Hai đại từ bất định này có thể dùng như một đại từ hay một tính từ và luôn luôn dùng với một động từ số ít.

Ví dụ:

- **Either** of the books **is** suitable **for** me. (Đại từ) - **Neither** of **my** friends has come yet. (Đại từ) - **You** can park your car on **either** side of the street. (Tính từ) - **Both** trains will go to **Hanoi**, but **neither** train **is** comfortable. (Tính từ)

C. Đại từ bất định all trong tiếng Anh

Đại từ bất định **all** vừa là một đại từ vừa là một tính từ. Khi sử dụng **all** có một số điều cần lưu ý sau:

- **1.** Khi là một đại từ, **all** có nghĩa là "**tất cả**". Nó có thể đi với một động từ số ít hay số nhiều tùy theo ý nghĩa mà nó có.

- Many boys and girls came to see him. All were his old pupils. - The radio receives only one channel but this is all that is broadcast in remote areas.

- **2.** Tính từ **all** trước một danh từ số nhiều cũng có nghĩa là "**tất cả**" nhưng trước một danh từ số ít đếm được lại có nghĩa "**trọn, nguyên**". Trong trường hợp này người ta có thể thay bằng the **whole**.

- He played in the yard all mornings. Tất cả các buổi sáng. - He played in the yard all morning. Suốt buổi sáng. / Trọn cả buổi sáng

- **3.** Khi dùng bỏ nghĩa cho một danh từ, **all** có thể được đặt ở trước hoặc sau danh từ đó.

- All the students agreed that the concert was good. - The student all agreed that the concert was good.

- **4.** Khi dùng bỏ nghĩa cho một đại từ, **all** luôn luôn đặt sau đại từ đó.

- They all agreed that the concert was good.

- **5.** Trong một số cấu trúc, **all** có thể là một **trạng từ chỉ mức độ** (adverb of degree).

- Jim lives all alone. (= completely) - They sell their goods all over the world. (= everywhere)

Chương sau mình sẽ trình bày về cách sử dụng **Đại từ bất định Some, Any & No, Nothing, None trong tiếng Anh**.